

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁI THỤY  
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2023

V/v hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu Hà và bà Vũ Thị Thúy.*

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Dương - Kiểm sát viên.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2023/QĐ – HPT ngày 19/9/2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Anh Lưu Đức H, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đức H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T vào ngày 11/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, anh H không quan tâm vợ con, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng từ năm 2022, tuy ở chung nhà không còn quan tâm đến nhau nữa. Lý do chị vẫn chúng sống cùng nhà với anh H là do chị muốn để cháu B ổn định tâm lý, chỗ ở để học hết lớp 12. Đến nay cháu B đã tốt nghiệp cấp ba nên chị mới ra khỏi nhà và xin ly hôn anh H. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **H**.

- Về con chung: Chị và anh **H** có 02 con chung là **Lưu Phúc G**, sinh ngày 20/11/2003 và **Lưu Gia B1**, sinh ngày 05/11/2005. Hiện con **G** đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con **B1**, chị không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị và anh **H** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Tại biên bản lấy lời khai có xác nhận của **UBND xã H**, anh **Lưu Đức H** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời trình bày của chị **Nguyễn Thị O** về thời gian, hoàn cảnh kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến khoảng hơn 01 năm nay thì vợ chồng anh làm công nhân theo ca, lệch thời gian nên mặc dù chung nhà nhưng ít quan tâm, nói chuyện với nhau. Anh xác định vợ chồng chưa có mâu thuẫn lớn, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là **Lưu Phúc G**, sinh ngày 20/11/2003 và **Lưu Gia B1**, sinh ngày 05/11/2005. Hiện con **G** đã trưởng thành nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Về con **B1** đã đi học đại học, anh và chị **O** sẽ cùng có trách nhiệm với con.

- Về tài sản chung: Anh và chị **O** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì không đồng ý ly hôn nên mặc dù anh nhận các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không ký nhận vào các biên bản và không đến Tòa án trình bày quan điểm.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị **Nguyễn Thị O** được ly hôn anh **Lưu Đức H**; Về quan hệ con chung: Giao cho chị **O** trực tiếp nuôi dưỡng **Lưu Gia B1**. Ghi nhận việc chị **O** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **O** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh **Lưu Đức H** đang cư trú tại **xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị O** và anh **Lưu Đức H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T** (nay là **xã H**), **huyện T** vào ngày 11/01/2003. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống đến khoảng năm 2022 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và vợ chồng ít quan tâm, giao tiếp với nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị **O** vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh **H** không đồng ý ly hôn nhưng khi tòa án đã triệu tập, thông báo anh **H** đến tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa nhưng anh **H** đều không đến tòa án và không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình đến tòa án. Chứng tỏ anh **H** không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị **O**. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị **O** và anh **H** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị **O** được ly hôn anh **H** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh **H** và chị **O** có hai con chung là **Lưu Phúc G**, sinh ngày 20/11/2003 và **Lưu Gia B1**, sinh ngày 05/11/2005. **Lưu Phúc G** đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Ly hôn, chị **O** và cháu **B1** đều có đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị **O** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B1**. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị **O** phù hợp quy định của Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy cần giao cho chị **O** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **B1**. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị **O** không đề nghị anh **H** cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh **H** và chị **O** không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **O** phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị **O** và anh **H** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị O ly hôn anh Lưu Đức H.
2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị O trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là Lưu Gia B1, sinh ngày 05/11/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh Lưu Đức H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Nguyễn Thị O và anh Lưu Đức H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.
3. *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết.
4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị O đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005404 ngày 31/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lưu Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã Hòa An.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

